

Bản án số: **90/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 29 tháng 8 năm 2022.

V/v *Xin ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Duy Khánh**.*

** Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông **Nguyễn Thành Nh**

2/. Bà **Cao Thị Mỹ Ph**

** Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Đ** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thanh Th** – Kiểm sát viên*

Vào ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 226/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các Đ sự:

** Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ** – sinh năm 1978*

Địa chỉ: Ấp 9, xã Ph, thị xã G, tỉnh B. (vắng mặt)

** Bị đơn: Bà **Trần Thanh L** – sinh năm 1984.*

Địa chỉ: Ấp 9, xã Ph, thị xã G, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Văn Đ, là nguyên đơn trình bày: Ông Đ và bà Trần Thanh L tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2003, được UBND xã Phong Thạnh Đông, huyện G (nay là thị xã G), tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/9/2003. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, từ năm 2018 đến nay đã không còn chung sống. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông Đ xin ly hôn với bà Trần Thanh L. Khi ly hôn, ông Đ đồng ý giao cháu Nguyễn Minh Kha, sinh ngày 05/02/2006 cho bà L trực tiếp nuôi dạy, hiện cháu Kha đang sống

với bà L; Về tài sản chung và nợ chung không có nên ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông Đ không yêu cầu gì thêm.

* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L, nhưng bà L đều vắng mặt và không gửi văn bản hay ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Đ cho Tòa án.

* Tại bản tự khai ngày 05/7/2022, cháu Nguyễn Minh Kha có ý kiến muốn được tiếp tục sống với mẹ.

* *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Nguyên đơn là ông Đ chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn là bà L không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà L.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Ông Đ và bà L chung sống có đăng ký kết hôn. Qua phần trình bày của ông Đ và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định ông Đ và bà L có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Đ được ly hôn với bà L.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Minh Kha, sinh ngày 05/02/2006 cho bà L trực tiếp nuôi dạy, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do ông Đ và bà L đều không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

* Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thanh L và yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thanh L có địa chỉ cư trú tại Ấp 9, xã Ph, thị xã G, tỉnh B nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn bà Trần Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

* Về mặt nội dung:

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đ với bà L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo lời trình bày của ông Đ và giấy chứng nhận kết hôn thể hiện: ông Đ và bà L tự nguyện

chung sống vợ chồng từ năm 2003, được UBND xã Ph, huyện G (nay là thị xã G), tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/9/2003 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông Đ xác định quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Đ xin ly hôn với bà L; còn bà L thì không có thiện chí hòa giải, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của ông Đ. Mặt khác, hôn nhân phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm xuất phát từ hai phía vợ và chồng nhưng hiện tại ông Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thì có chung sống tiếp cũng không hạnh phúc. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ đối với bà L.

[2] Về con chung: Căn cứ các chứng cứ liên quan như lời trình bày của ông Đ, giấy khai sinh thì có đủ cơ sở xác định cháu Nguyễn Minh Kha, sinh ngày 05/02/2006 là con chung của ông Đ và bà L. Xét yêu cầu của ông Đ đồng ý giao con cho bà L nuôi dạy, bà L thì không có ý kiến, nhưng yêu cầu này của ông Đ là phù hợp với nguyện vọng của cháu Kha và cháu cũng đang sống với bà L. Do đó, có căn cứ giao cháu Kha cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp, không trái đạo đức xã hội, cũng như không trái quy định của pháp luật. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không có yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung: Ông Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Riêng đối với bà L do trong quá trình giải quyết vụ án bà không có ý kiến gì về phân tài chung nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét. Nếu xảy ra tranh chấp, bà L và ông Đ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn ở một vụ án độc lập khác.

[4] Về nợ chung: Ông Đ xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu, bà L cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn xin ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng.

Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1/. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ;

Xử cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thanh L.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Kha, sinh ngày 05/02/2006 cho bà Trần Thanh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu Kha đang sống chung với bà L. Ông Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không có yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung: Ông Đ xác định không có tài sản chung, bà L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/. Về nợ chung: Ông Đ xác định không có nợ chung, bà L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004088 ngày 02/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, ông Đ và bà L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- TAND tỉnh B;
- VKSND TX. G;
- CCTHA TX. G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các Đ sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Khánh